

Số đến: 141....

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Tên loại: CV...; Số: 6803/BG-DĐT - G.DĐT..... Ngày 23 tháng 12 năm 2022

V/v: Chào sếp chu cầu DT nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao.....

Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA Q. HIỆU TRƯỞNG

Ngày 16 tháng 02 năm 2023.....

K/c P. DT xử lý x.
P. CSR
P. SĐT
P. DCTB

Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngày.....tháng.....năm 2023.....

XỬ LÝ CỦA ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN

Ngày.....tháng.....năm 2023.....

Số: 6803/BGDĐT-GDĐH

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2022

V/v Khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

ĐẾN Số: ...141...
Ngày: 16/02/2023
Chuyển: DT, CTSV, SDH, ...
Số và ký hiệu HS: ...TCCB...

Kính gửi: Các cơ sở giáo dục đại học
(Danh sách tại Phụ lục 1)

Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng **“Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao”**.

Để có căn cứ thuyết minh Đề án trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao, cụ thể như sau:

- **Đối tượng khảo sát:** cơ sở giáo dục đại học; các giảng viên, sinh viên, học viên đang tham gia giảng dạy, học tập các ngành thuộc các lĩnh vực đào tạo phục vụ phát triển công nghệ cao¹.

- **Nội dung khảo sát:** theo các Phụ lục 2, 3, 4, 5 đính kèm.

- **Hình thức khảo sát:** khảo sát trực tuyến (link khảo sát được gửi kèm tại các Phụ lục 2, 3, 4, 5)

- **Thời gian hoàn thành khảo sát:** trước ngày 28/12/2022.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị các cơ sở giáo dục đại học trong danh sách tại Phụ lục 1 tổ chức thực hiện khảo sát theo yêu cầu và nội dung nêu trên.

Thông tin chi tiết liên hệ về Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (qua Vụ Giáo dục Đại học - Bà Nguyễn Phan Hằng, Chuyên viên chính, điện thoại: 0983317908, email: nphanh@moet.gov.vn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Hoàng Minh Sơn (để b/c);
- Lưu: VT, GDĐH.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Nguyễn Thu Thủy

¹ Các lĩnh vực đào tạo phục vụ phát triển công nghệ cao thực hiện khảo sát, bao gồm: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật.



PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tham gia Khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao

(Kèm theo Công văn số 6803.../BGDDĐT-GDĐH ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
1	Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
3	Đại học Đà Nẵng
4	Đại học Huế
5	Đại học Thái Nguyên
6	Đại học Bách khoa Hà Nội
7	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
8	Học viện Kỹ thuật Quân sự
9	Học viện Phòng không - Không quân
10	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
11	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
12	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
13	Trường Đại học Thủy lợi
14	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
15	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
16	Trường Đại học Giao thông vận tải
17	Trường Đại học Dược Hà Nội

18	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
19	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
20	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
21	Trường Đại học Điện lực
22	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
23	Trường Đại học FPT
24	Trường Đại học Phenikaa
25	Trường Đại học Tây Bắc
26	Trường Đại học Cần Thơ
27	Trường Đại học Duy Tân
28	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
29	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
30	Trường Đại học Nha Trang
31	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
32	Trường Đại học Đà Lạt
33	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
34	Trường Đại học Đông Á
35	Trường Đại học Vinh
36	Trường Đại học Hoa Sen
37	Trường Đại học Thủ Dầu Một
38	Trường Đại học Lâm nghiệp
39	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
40	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

41	Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
42	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
43	Trường Đại học Nam Cần Thơ
44	Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang
45	Trường Đại học Văn Lang
46	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
47	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
48	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
49	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
50	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An

Danh sách này có 50 đơn vị./.





PHỤ LỤC 3

Khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao

Đối tượng khảo sát: Sinh viên



(Kèm theo Công văn số 6803.../BGDDT-GDDH ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Link khảo sát online¹: <https://ee.kobotoolbox.org/x/3F5FdYXI> – hoặc scan mã QR

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thực hiện khảo sát “**Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao**”. Kết quả khảo sát là cơ sở để Bộ GDĐT xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao, giai đoạn 2023-2030.

Chúng tôi đề nghị Chị/Anh thực hiện khảo sát theo nội dung dưới đây. Mọi thông tin cung cấp sẽ được giữ kín và tuyệt mật. Chúng tôi cam kết các số liệu khảo sát chỉ để phục vụ thuyết minh cho Đề án, không cung cấp cho các tổ chức, cá nhân với bất kỳ mục đích khác.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Chị/Anh!

Hướng dẫn trả lời bảng hỏi

- Đánh dấu **X** hoặc ☐ vào phương án phù hợp.
- Trong bảng hỏi có một số câu hỏi yêu cầu chọn duy nhất một đáp án và một số câu hỏi cho phép chọn nhiều đáp án, Chị/Anh hãy đọc kỹ và làm theo hướng dẫn trả lời tại từng câu hỏi.
- Nếu câu hỏi không phù hợp với Chị/Anh, hãy ghi “**KPH**” (nghĩa là không phù hợp) vào phần trống.
- Nếu Chị/Anh không có thông tin để trả lời/không biết trả lời câu hỏi, hãy ghi “**KB**” (nghĩa là không biết) vào phần trống.

A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

A1. Họ và tên:

A2. Giới tính: 1. ☐ Nữ 2. ☐ Nam

A3. Năm sinh:

A4. Địa chỉ hiện nay:

1. ☐ Hà Nội 2. ☐ Đà Nẵng 3. ☐ Tp. Hồ Chí Minh

4. ☐ Tỉnh/thành phố khác, ghi rõ:

A5. Điện thoại: Email:

¹ Lưu ý: trong trường hợp mở link bị lỗi, vui lòng truy cập lại bằng trình duyệt khác hoặc thiết bị khác (lỗi có thể xảy ra nếu truy cập bằng trình duyệt Safari của Iphone)

A6. Xin cho biết dự định của Chị/Anh về công việc trong tương lai sau khi tốt nghiệp Đại học (ĐH):

a. Nghề nghiệp:

b. Nghề nghiệp dự định của Chị/Anh thuộc nhóm nào (*chỉ chọn 1 phương án*)

- | | |
|---|---|
| 1. ☐ Nghiên cứu/Giảng dạy | 4. ☐ Làm việc trong các doanh nghiệp |
| 2. ☐ Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước | 5. ☐ Làm việc trong các cơ quan phát triển, nhân đạo |
| 3. ☐ Tự sản xuất/kinh doanh | 6. ☐ Không làm việc |
| | 7. ☐ Khác, ghi rõ: |

A7. Khi học phổ thông trung học, Chị/Anh học chuyên môn học nào hay lĩnh vực nào (*chỉ chọn 1 đáp án*):

1. ☐ Khoa học tự nhiên
2. ☐ Khoa học xã hội
3. ☐ Khác, ghi rõ:

B. CHỌN TRƯỜNG, CHỌN NGÀNH BẬC ĐẠI HỌC

B1. Chị/Anh hãy cho biết thông tin về chương trình đào tạo ĐH của Chị/Anh:

a. Năm hoàn thành/dự kiến hoàn thành chương trình ĐH:

b. Tên trường ĐH đang theo học:

c. Ngành học bậc ĐH là gì:

d. Ngành này thuộc lĩnh vực nào?

- | | |
|--|---|
| 1. ☐ Khoa học tự nhiên | 5. ☐ Toán và thống kê |
| 2. ☐ Khoa học sự sống | 6. ☐ Máy tính và công nghệ thông tin |
| 3. ☐ Kỹ thuật | 7. ☐ Ngành khác, ghi rõ: |
| 4. ☐ Công nghệ kỹ thuật | |

B2. Chương trình đào tạo bậc ĐH Chị/Anh đang theo học là gì: (*chỉ chọn 1 đáp án*)

1. ☐ Chương trình đào tạo của các trường ĐH trong nước
2. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (*giảng dạy một phần bằng tiếng nước ngoài*)
3. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (*giảng dạy bằng tiếng Anh*)
4. ☐ Chương trình do trường ĐH nước ngoài đào tạo tại Việt Nam (*giảng dạy bằng tiếng Anh*)
5. ☐ Khác, ghi rõ:

B3. Tại sao Chị/Anh lựa chọn ngành học như đã nêu ở trên? (*chọn tối đa 3 lý do quan trọng nhất*)

- | | |
|--|---|
| 1. ☐ Đam mê/yêu thích ngành này | 7. ☐ Ngành này có thu nhập/lương cao |
| 2. ☐ Theo ý kiến của bố mẹ/gia đình | 8. ☐ Ngành này có thể tiếp tục học cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ...) |
| 3. ☐ Lựa chọn theo bạn bè | 9. ☐ Phù hợp với khả năng, năng lực |
| 4. ☐ Theo ý kiến của thầy cô | 10. ☐ Đây là ngành sẽ phát triển trong tương lai |
| 5. ☐ Nhiều người theo học ngành này nên chọn theo | 11. ☐ Theo nghề của bố/mẹ |
| 6. ☐ Học ngành này ra trường dễ có việc | |

làm

12. ☐ Khác, ghi rõ:
.....

B4. Tại sao Chị/Anh lựa chọn trường ĐH hiện nay để theo học? (có thể chọn nhiều đáp án)

1. ☐ Tự tìm hiểu thấy trường có các yếu tố phù hợp
2. ☐ Theo ý kiến của bố mẹ/gia đình
3. ☐ Lựa chọn theo bạn bè
4. ☐ Theo ý kiến của thầy cô
5. ☐ Nhiều người theo học trường này nên chọn theo
6. ☐ Nhiều người học trường này ra trường có việc làm tốt
7. ☐ Khác, ghi rõ:
.....
.....

B5. Khi chọn trường ĐH để theo học, các yếu tố dưới đây quan trọng như thế nào đối với lựa chọn của Chị/Anh ?

Các yếu tố	0. Không quan trọng → 4. Rất quan trọng				
	0	1	2	3	4
1. Trường có kênh truyền thông về tuyển sinh đầy đủ, minh bạch	☐	☐	☐	☐	☐
2. Trường được đặt ở thành phố lớn	☐	☐	☐	☐	☐
3. Trường đào tạo nhiều ngành học/nhiều lĩnh vực	☐	☐	☐	☐	☐
4. Mức học phí phù hợp	☐	☐	☐	☐	☐
5. Trường có chế độ học bổng, chính sách tài chính hỗ trợ sinh viên	☐	☐	☐	☐	☐
6. Trường có danh tiếng tốt/có thứ hạng cao trong bảng xếp hạng	☐	☐	☐	☐	☐
7. Đội ngũ giảng viên có danh tiếng tốt	☐	☐	☐	☐	☐
8. Trường có giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy	☐	☐	☐	☐	☐
9. Cách thức đánh giá, xếp loại người học rõ ràng	☐	☐	☐	☐	☐
10. Cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
11. Cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho hoạt động thể thao, giải trí của sinh viên	☐	☐	☐	☐	☐
12. Trường có kí túc xá cho sinh viên	☐	☐	☐	☐	☐
13. Môi trường học tập an toàn và thân thiện	☐	☐	☐	☐	☐
14. Trường có chương trình trao đổi sinh viên với trường đại học nước ngoài	☐	☐	☐	☐	☐
15. Trường có hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức uy tín để sinh viên thực tập, tham gia nghiên cứu, có cơ hội việc làm	☐	☐	☐	☐	☐
16. Trường có chương trình hỗ trợ, khuyến khích sinh viên nghiên cứu, tham gia các dự án nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
17. Trường có đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ để sinh viên tiếp tục học sau khi tốt nghiệp đại học	☐	☐	☐	☐	☐
18. Yếu tố khác, ghi rõ:					

B6. Kỳ vọng về mức lương trong tương lai

B6.a. Ngay sau khi tốt nghiệp đại học, mức lương mong muốn tối thiểu của Chị/Anh là:

1. ☐ triệu/tháng

2. ☐ Không biết

B6.b. Mức lương dự kiến mà Chị/Anh nghĩ có thể đạt được trong các trường hợp sau:

B6.b1. Ngay sau khi tốt nghiệp đại học:

1. ☐ triệu/tháng

2. ☐ Không biết

B6.b2. Khi Chị/Anh 25 tuổi và tốt nghiệp đại học:

1. ☐ triệu/tháng

2. ☐ Không biết

B6.c. Mức tăng lương dự kiến mà Chị/Anh nghĩ có thể đạt được sau khi Chị/Anh tốt nghiệp đại học 5 năm (*so với mức lương dự kiến ngay sau khi tốt nghiệp đại học*):

1. ☐ %

2. ☐ Không biết

B7. Nếu như được chọn lại, Chị/Anh có lựa chọn ngành và trường ĐH mình đang theo học không? (chỉ chọn 1 đáp án)

a. Ngành học: 1. ☐ Có

2. ☐ Có thể

3. ☐ Không

b. Trường ĐH: 1. ☐ Có

2. ☐ Có thể

3. ☐ Không

Nếu không chọn ngành đang theo học, khi đó Chị/Anh sẽ chọn ngành:

B8. Theo Chị/Anh, thông tin về các trường ĐH, chương trình/ngành học qua các kênh thông tin dưới đây có mức độ hữu ích như thế nào?

0. Hoàn toàn không hữu ích → 4.

Rất hữu ích

5.

Không biết

Kênh thông tin

	0	1	2	3	4	5.
						Không biết
1. Mạng xã hội	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2. Báo mạng/báo điện tử	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3. Website chính thức của các trường ĐH	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4. Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5. Sách Cẩm nang tuyển sinh/Những điều cần biết về thi ĐH	☐	☐	☐	☐	☐	☐
6. Bố mẹ/gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐
7. Bạn bè ở trường/trung tâm học thêm	☐	☐	☐	☐	☐	☐
8. Thầy cô giáo ở trường/trung tâm học thêm	☐	☐	☐	☐	☐	☐
9. Người thân quen mới vào học ĐH/tốt nghiệp ĐH	☐	☐	☐	☐	☐	☐
10. Cán bộ tuyển sinh của các trường ĐH đến làm truyền thông tại trường THPT	☐	☐	☐	☐	☐	☐
11. Hoạt động hướng nghiệp tại trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐
12. Hội thảo/sự kiện tuyển sinh của các trường ĐH	☐	☐	☐	☐	☐	☐
13. Kênh thông tin hữu ích khác, ghi rõ:						

C. NHU CẦU HỌC THẠC SĨ

C1. Chị/Anh có dự định tiếp tục học Thạc sĩ không? (chỉ chọn 1 đáp án)

1. ☐ Có 2. ☐ Không → Chuyển đến câu C14
3. ☐ Chưa biết → Chuyển đến câu C14

C2. Chị/Anh dự định học Thạc sĩ theo chương trình đào tạo nào? (chỉ chọn 1 đáp án)

1. ☐ Chương trình đào tạo của các trường ĐH trong nước
2. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (*giảng dạy một phần bằng tiếng nước ngoài*)
3. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (*giảng dạy bằng tiếng Anh*)
4. ☐ Chương trình do trường ĐH nước ngoài đào tạo tại Việt Nam (*giảng dạy bằng tiếng Anh*)
5. ☐ Chương trình đào tạo tại nước ngoài
6. ☐ Khác, ghi rõ:
7. ☐ Chưa xác định được

C3. Lý do quan trọng nhất khiến Chị/Anh muốn học Thạc sĩ là gì? (chọn tối đa 3 đáp án)

1. ☐ Muốn có thêm kiến thức chuyên sâu
2. ☐ Muốn thăng tiến trong công việc
3. ☐ Muốn có thu nhập cao hơn (lương được trả theo bằng cấp)
4. ☐ Muốn trở thành ứng viên nổi trội hơn khi tìm kiếm cơ hội việc làm
5. ☐ Muốn làm công việc yêu cầu trình độ Thạc sĩ (có bằng Thạc sĩ)
6. ☐ Muốn theo đuổi công việc nghiên cứu/học thuật
7. ☐ Muốn chuyển ngành
8. ☐ Ảnh hưởng từ gia đình, người thân, bạn bè
9. ☐ Lý do khác (nêu rõ):

C4. Chị/Anh có dự định học Thạc sĩ từ khi nào? (chỉ chọn 1 đáp án)

1. ☐ Từ khi còn học Trung học phổ thông hoặc trước đó
2. ☐ Từ khi học ĐH. Ghi rõ, Chị/Anh có dự định học Thạc sĩ khi đang học năm học thứ mấy ĐH:
3. ☐ Khác, ghi rõ:

C5. Chị/Anh đã xác định được ngành/chuyên ngành sẽ đăng kí thi tuyển/theo học chương trình Thạc sĩ hay chưa?

a. Chị/Anh xác định được chưa?

b. Nếu đã xác định được ngành/ chuyên ngành, hãy ghi rõ tên ngành/chuyên ngành dự kiến thi tuyển/theo học

- | | | | |
|--|------------------|-------|-------|
| 1. ☐ Đã xác định chắc chắn | Ưu tiên 1: | | |
| 2. ☐ Đã xác định nhưng chưa chắc chắn | Ưu tiên 2: | | |
| | Ưu tiên 3: | | |
| 3. ☐ Chưa → Chuyển đến câu C7 | | | |

C6. Tại sao Chị/Anh lựa chọn ngành này (ngành ưu tiên số 1)? (chọn tối đa 3 lý do quan trọng nhất)

1. ☐ Đam mê/yêu thích ngành này
2. ☐ Theo ý kiến của bố mẹ/gia đình
3. ☐ Lựa chọn theo bạn bè
4. ☐ Theo ý kiến của thầy cô
5. ☐ Nhiều người theo ngành này
6. ☐ Học ngành này để có việc làm tốt
7. ☐ Ngành này có thu nhập/lương cao
8. ☐ Ngành này có thể tiếp tục học cao hơn
9. ☐ Phù hợp với khả năng, năng lực
10. ☐ Đây là ngành sẽ phát triển trong tương lai
11. ☐ Theo ngành của bố/mẹ
12. ☐ Khác, ghi rõ:

C7. Chị/Anh đã xác định được trường ĐH sẽ đăng kí thi tuyển/theo học chương trình Thạc sĩ hay chưa?

a. Chị/Anh xác định được chưa?	b. Nếu đã xác định được nơi học, ghi rõ tên nơi dự kiến thi tuyển/theo học
1. ☐ Đã xác định chắc chắn	Ưu tiên 1:
2. ☐ Đã xác định nhưng chưa chắc chắn	Ưu tiên 2: Ưu tiên 3:
3. ☐ Chưa	

C8. Khi chọn trường ĐH/chương trình đào tạo Thạc sĩ để theo học, các yếu tố dưới đây quan trọng như thế nào đối với lựa chọn của Chị/Anh?

Các yếu tố	0. Không quan trọng → 4. Rất quan trọng				
	0	1	2	3	4
1. Chương trình có bổ trợ một số kiến thức (tính cả ngoại ngữ) trước khi vào học	☐	☐	☐	☐	☐
2. Chương trình được kiểm định quốc tế	☐	☐	☐	☐	☐
3. Kết quả của kỳ thực tập được sử dụng để đánh giá kết quả tốt nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
4. Có nhiều học bổng	☐	☐	☐	☐	☐
5. Có cơ hội thực tập/trao đổi học thuật tại nước ngoài	☐	☐	☐	☐	☐
6. Được tiếp xúc/trao đổi/làm việc với các doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức lớn/uy tín	☐	☐	☐	☐	☐
7. Được tiếp xúc/trao đổi/làm việc với nhiều chuyên gia trong ngành	☐	☐	☐	☐	☐
8. Chương trình có sự tham gia của học viên quốc tế	☐	☐	☐	☐	☐
9. Chương trình có sự tham gia của giảng viên nước ngoài	☐	☐	☐	☐	☐
10. Có nhiều hoạt động ngoại khóa (Hội sinh viên, Câu lạc bộ, ...)	☐	☐	☐	☐	☐
11. Có nhiều hỗ trợ từ mạng lưới cựu học viên	☐	☐	☐	☐	☐
12. Chương trình có định hướng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
13. Chương trình có định hướng hướng nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
14. Công việc, sự thăng tiến của học viên các khóa trước sau khi tốt nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
15. Yếu tố quan trọng khác, ghi rõ:					

C9. Mức học phí tối đa Chị/Anh sẵn sàng chi trả cho chương trình Thạc sĩ mà Chị/Anh dự kiến theo học là bao nhiêu (cho toàn bộ khóa học)? (mức sẵn sàng chi trả là mức giá cao nhất mà Chị/Anh sẵn sàng chấp nhận chi trả) (chỉ chọn 1 đáp án)

- | | |
|---|--|
| 1. ☐ Dưới 50 triệu đồng | 4. ☐ Từ 110 đến dưới 140 triệu đồng |
| 2. ☐ Từ 50 đến dưới 80 triệu đồng | 5. ☐ Từ 140 triệu đồng trở lên |
| 3. ☐ Từ 80 đến dưới 110 triệu đồng | 6. ☐ Không biết |

C10. Mức học phí tối đa Chị/Anh có khả năng chi trả cho chương trình Thạc sĩ là bao nhiêu (cho toàn bộ khóa học)? (chỉ chọn 1 đáp án)

- | | |
|---|--|
| 1. ☐ Dưới 50 triệu đồng | 4. ☐ Từ 110 đến dưới 140 triệu đồng |
| 2. ☐ Từ 50 đến dưới 80 triệu đồng | 5. ☐ Từ 140 triệu đồng trở lên |
| 3. ☐ Từ 80 đến dưới 110 triệu đồng | 6. Không biết |

C11. Nếu mức học phí dự kiến cao hơn mức học phí tối đa mà Chị/Anh có khả năng chi trả, Chị/Anh sẽ (chỉ chọn 1 đáp án)

1. ☐ Đổi sang ngành học có mức học phí thấp hơn
2. ☐ Đổi sang ngành học có tiềm năng thu nhập cao hơn
3. ☐ Lựa chọn những ngành học được ưu tiên, miễn giảm học phí
4. ☐ Vay của người thân họ hàng
5. ☐ Sử dụng tín dụng sinh viên
6. ☐ Khác

C12. Dự định của Chị/Anh sau khi tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ? (chọn tối đa 02 đáp án)

- | | |
|---|--|
| 1. ☐ Học tiếp nghiên cứu sinh trong nước | 7. ☐ Làm việc tại các cơ quan Nhà nước, Chính phủ, các bộ ban ngành |
| 2. ☐ Học tiếp nghiên cứu sinh nước ngoài | 8. ☐ Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ/tổ chức quốc tế |
| 3. ☐ Làm việc tại các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, trường ĐH | 9. ☐ Kinh doanh độc lập |
| 4. ☐ Làm việc tại doanh nghiệp Việt Nam | 10. ☐ Chưa quyết định |
| 5. ☐ Làm việc tại doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhật Bản | 11. ☐ Khác, ghi rõ: |
| 6. ☐ Làm việc tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khác | |
| | |

C13. Kỳ vọng về mức lương trong tương lai

C13.a. Ngay sau khi tốt nghiệp thạc sĩ, mức lương mong muốn tối thiểu của Chị/Anh là:

- | | |
|---|--|
| 1. ☐ triệu/tháng | 2. ☐ Không biết |
|---|--|

C13.b. Mức lương dự kiến mà Chị/Anh nghĩ có thể đạt được ngay sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ ngành ưu tiên số 1:

- | | |
|---|--|
| 1. ☐ triệu/tháng | 2. ☐ Không biết |
|---|--|

C13.c. Mức tăng lương dự kiến mà Chị/Anh nghĩ có thể đạt được sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ 5 năm và học ngành ưu tiên số 1 (so với mức lương dự kiến ngay sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ):

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1. ☐ % | 2. ☐ Không biết |
|-------------------------------------|--|

Trả lời hết câu C13, kết thúc khảo sát

Chỉ trả lời câu C14, C15 sau đây nếu Chi/Anh KHÔNG có dự định tiếp tục học Thạc sĩ

C14. Xin cho biết lý do Chi/Anh không muốn/chưa muốn học Thạc sĩ? (có thể chọn nhiều đáp án)

- | | |
|--|--|
| 1. ☐ Công việc của gia đình, bản thân không cho phép/Không có thời gian | 5. ☐ Lịch học không phù hợp |
| 2. ☐ Không thể chi trả học phí | 6. ☐ Công việc không yêu cầu bằng Thạc sĩ |
| 3. ☐ Không đáp ứng được yêu cầu đầu vào | 7. ☐ Lý do khác (nêu rõ): |
| 4. ☐ Không biết ngành, nghề nên theo đuổi | |
| | |
| | |

C15. Yếu tố nào dưới đây có thể khuyến khích Chi/Anh theo học Thạc sĩ? (có thể chọn nhiều đáp án)

- | | |
|--|---|
| 1. ☐ Công việc hiện tại yêu cầu cần có bằng Thạc sĩ | 5. ☐ Được chấp nhận vào một chương trình đào tạo có uy tín |
| 2. ☐ Thất nghiệp | 6. ☐ Có học bổng |
| 3. ☐ Muốn thay đổi nghề nghiệp | 7. ☐ Yếu tố khác (nêu rõ): |
| 4. ☐ Được hỗ trợ tài chính từ nơi làm việc | |
| | |

Cảm ơn Chi/Anh đã tham gia khảo sát





PHỤ LỤC 4

Khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao

Đối tượng khảo sát: *Học viên thạc sĩ*



(Kèm theo Công văn số 6803.../BGDDT-GDDH ngày 23 tháng 23 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Link khảo sát online¹: <https://ee.kobotoolbox.org/x/NeejOMMY> hoặc scan mã QR

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thực hiện khảo sát “**Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao**”. Kết quả khảo sát là cơ sở để Bộ GDĐT xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao, giai đoạn 2023-2030.

Chúng tôi đề nghị Chị/Anh thực hiện khảo sát theo nội dung dưới đây. Mọi thông tin cung cấp sẽ được giữ kín và tuyệt mật. Chúng tôi cam kết các số liệu khảo sát chỉ để phục vụ thuyết minh cho Đề án, không cung cấp cho các tổ chức, cá nhân với bất kỳ mục đích khác.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Chị/Anh!

Hướng dẫn trả lời bảng hỏi

- Đánh dấu X hoặc √ vào phương án phù hợp.
- Trong bảng hỏi có một số câu hỏi yêu cầu chọn duy nhất một đáp án và một số câu hỏi cho phép chọn nhiều đáp án, Chị/Anh hãy đọc kỹ và làm theo hướng dẫn trả lời tại từng câu hỏi.
- Nếu câu hỏi không phù hợp với Chị/Anh, hãy ghi “**KPH**” (nghĩa là không phù hợp) vào phần trống.
- Nếu Chị/Anh không có thông tin để trả lời/không biết trả lời câu hỏi, hãy ghi “**KB**” (nghĩa là không biết) vào phần trống.

A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

A1. Họ và tên:

A2. Giới tính: 1. ☐ Nữ 2. ☐ Nam

A3. Năm sinh:

A4. Địa chỉ hiện nay:

1. ☐ Hà Nội 2. ☐ Đà Nẵng 3. ☐ Tp. Hồ Chí Minh

4. ☐ Tỉnh/Thành phố khác, ghi rõ:

¹ Lưu ý: trong trường hợp mở link bị lỗi, vui lòng truy cập lại bằng trình duyệt khác hoặc thiết bị khác (lỗi có thể xảy ra nếu truy cập bằng trình duyệt Safari của Iphone)



PHỤ LỤC 5

Khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao



Đối tượng khảo sát: Giảng viên Trường Đại học

(Kèm theo Công văn số 6803.../BGDDT-GDDH ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Link khảo sát online¹: <https://ee.kobotoolbox.org/x/c92TGZU6> hoặc scan mã QR

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thực hiện khảo sát “**Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao**”. Kết quả khảo sát là cơ sở để Bộ GDĐT xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao, giai đoạn 2023-2030.

Chúng tôi đề nghị Quý vị thực hiện khảo sát theo nội dung dưới đây. Mọi thông tin cung cấp sẽ được giữ kín và khuyết danh. Chúng tôi cam kết các số liệu khảo sát chỉ để phục vụ thuyết minh cho Đề án, không cung cấp cho các tổ chức, cá nhân với bất kỳ mục đích khác.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị!

Hướng dẫn trả lời bảng hỏi

- Đánh dấu **X** hoặc ✓ vào phương án phù hợp.
- Trong bảng hỏi có một số câu hỏi yêu cầu chọn duy nhất một đáp án và một số câu hỏi cho phép chọn nhiều đáp án.
- Nếu câu hỏi không phù hợp với Bà/Ông, đề nghị ghi **KPH** (nghĩa là không phù hợp) vào phần trống.
- Nếu không có thông tin để trả lời/không biết trả lời câu hỏi, đề nghị ghi **KB** (không biết) vào phần trống.

A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

A1. Tên Trường.....

A2. Họ và tên người trả lời:

A3. Thuộc đơn vị (Khoa/Viện/Trung tâm/Phòng/Ban):

A4. Vị trí công việc hiện nay (chỉ chọn 1 đáp án):

¹ Lưu ý: trong trường hợp mở link bị lỗi, vui lòng truy cập lại bằng trình duyệt khác hoặc thiết bị khác (lỗi có thể xảy ra nếu truy cập bằng trình duyệt Safari của Iphone)

1. ☐ Cán bộ quản lý
2. ☐ Giảng viên

3. ☐ Chuyên viên
4. ☐ Nhân viên

A5. Học vị/Học hàm

1. ☐ Giáo sư
2. ☐ Phó Giáo sư

3. ☐ Tiến sĩ
4. ☐ Khác

A6. Giới tính:

1. ☐ Nam
2. ☐ Nữ

A7. Thâm niên công tác (chỉ chọn 1 đáp án):

1. ☐ Dưới 5 năm
2. ☐ Từ 5 năm đến dưới 10 năm
3. ☐ Trên 10 năm

A8. Chi/Anh có tham gia giảng dạy chương trình nào dưới đây không? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. ☐ Chương trình tiên tiến (dành cho sinh viên có điểm đầu vào cao)
2. ☐ Chương trình tiên tiến với học phí cao hơn chương trình thông thường
3. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (giảng dạy một phần bằng tiếng nước ngoài)
4. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (giảng dạy bằng tiếng Anh)
5. ☐ Chương trình đào tạo liên kết giữa trường ĐH trong nước với nước ngoài (giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài khác, ghi rõ:)
6. ☐ Chương trình do Trường ĐH nước ngoài đào tạo tại Việt Nam (giảng dạy bằng tiếng Anh)

A9. Lĩnh vực ngành đào tạo/nghiên cứu mà Chi/Anh đang tham gia (chỉ chọn 01 đáp án)

1. ☐ Khoa học tự nhiên
2. ☐ Khoa học sự sống
3. ☐ Kỹ thuật
4. ☐ Công nghệ kỹ thuật
5. ☐ Toán và thống kê
6. ☐ Máy tính và công nghệ thông tin
7. ☐ Ngành khác, ghi rõ:
.....

A10. Tuổi:

A11. Điện thoại: **Email:**

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC CHÍNH SÁCH THU HÚT VÀ HỖ TRỢ

B1. Vui lòng cho biết ý kiến/đánh giá của Chi/Anh về các nhận định sau

- 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Tương đối đồng ý;
4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
I. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH						
1	Chi/Anh hài lòng về mức lương hiện tại	☐	☐	☐	☐	☐

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
2	Thu nhập tăng thêm phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc của Chi/Anh	☐	☐	☐	☐	☐
3	Chi/Anh hài lòng về mức độ khen thưởng trong các ngày lễ, Tết, thưởng thành tích cá nhân	☐	☐	☐	☐	☐
4	Chính sách dành cho công tác đào tạo/bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu chuyên môn của công việc	☐	☐	☐	☐	☐
5	Chi/Anh được tạo điều kiện học tập, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ công việc	☐	☐	☐	☐	☐
6	Các tiêu chí, quy trình bổ nhiệm được công bố rõ ràng, công khai, minh bạch	☐	☐	☐	☐	☐
7	Cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp khách quan, công bằng	☐	☐	☐	☐	☐
II.	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)	☐	☐	☐	☐	☐
8	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	☐	☐	☐	☐	☐
9	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	☐	☐	☐	☐	☐
10	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	☐	☐	☐	☐	☐
11	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Khoa và Nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
12	Chi/Anh được tham gia xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT của đơn vị	☐	☐	☐	☐	☐
13	Chi/Anh biết mục tiêu, chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	☐	☐	☐	☐	☐
14	Mục tiêu ĐT, chuẩn đầu ra của ngành phù hợp điều kiện của Trường	☐	☐	☐	☐	☐
15	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành phù hợp với yêu cầu của xã hội	☐	☐	☐	☐	☐
16	Số lượng môn tự chọn đáp ứng yêu cầu chương trình đã thiết kế	☐	☐	☐	☐	☐
17	CTĐT gắn kết lý thuyết với thực hành, thực tập và tốt nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
18	CTĐT chú trọng đào tạo năng lực tư duy, kỹ năng cần thiết	☐	☐	☐	☐	☐
19	Kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên tốt nghiệp khi ra trường phù hợp chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội	☐	☐	☐	☐	☐
20	Ngành đào tạo của sinh viên khi tốt nghiệp phù hợp nhu cầu xã hội và nhà tuyển dụng	☐	☐	☐	☐	☐
III.	CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCKH)	☐	☐	☐	☐	☐
21	Nhà trường có những chính sách hỗ trợ cho việc NCKH	☐	☐	☐	☐	☐
22	Chi/Anh được tự do lựa chọn và đề xuất đề tài NCKH	☐	☐	☐	☐	☐
23	Quy định, hướng dẫn việc xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được công bố công khai	☐	☐	☐	☐	☐

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
24	Việc xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được thực hiện đúng quy trình	☐	☐	☐	☐	☐
25	Chị/Anh hài lòng khi tham gia hoạt động NCKH	☐	☐	☐	☐	☐
IV.	CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	☐	☐	☐	☐	☐
26	Phương tiện phục vụ giảng dạy đáp ứng nhu cầu đào tạo	☐	☐	☐	☐	☐
27	Thiết bị thí nghiệm/thực hành đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
28	Phòng thực hành/thí nghiệm có đầy đủ nội quy, hướng dẫn, quy định an toàn và thiết bị bảo hộ lao động	☐	☐	☐	☐	☐
29	Tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
30	Hệ thống wifi, internet hoạt động ổn định và đáp ứng nhu cầu công việc	☐	☐	☐	☐	☐

C. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU

C1. Trong ba năm qua, Chị/Anh có tham gia vào đề tài/dự án nghiên cứu nào không

1. ☐ Có

2. ☐ Không

C1.a. Nếu có, số lượng đề tài/dự án nghiên cứu mà Chị/Anh đã tham gia là:.....

C1.b. Số lượng công bố ISI/Scopus mà Chị/Anh đã tham gia là:

C1.c. Nguồn kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu mà Chị/Anh tham gia là (Có thể chọn nhiều đáp án):

1. ☐ Trường/đơn vị đang công tác

2. ☐ Đề tài của Bộ/Quỹ NAFOSTED

3. ☐ Nguồn kinh phí từ hợp tác quốc tế

4. ☐ Nguồn kinh phí từ doanh nghiệp

5. Khác, ghi rõ:

C1.d. Chị/Anh gặp phải những khó khăn nào dưới đây khi xin kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. ☐ Định mức/tiêu chuẩn kinh phí thấp, không đủ đáp ứng nhu cầu thực hiện đề tài

2. ☐ Chỉ xin được một phần kinh phí so với tổng kinh phí đề xuất

3. ☐ Quy trình/thủ tục xin kinh phí phức tạp

4. ☐ Mất nhiều thời gian để duyệt đề xuất xin kinh phí

5. ☐ Không xin được kinh phí

6. ☐ Xét duyệt kinh phí không công bằng giữa các đề tài

7. ☐ Khác, ghi rõ:

C1.e. Nêu những khó khăn Chị/Anh gặp phải khi giải ngân kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu (nếu có)
.....
.....
.....

- C2. Chính sách nào dưới đây sẽ tạo động lực cho Chị/Anh làm nghiên cứu khoa học**
- 1. ☐ Chính sách hỗ trợ tiếp cận và đơn giản hóa thủ tục giải ngân nguồn kinh phí
 - 2. ☐ Giảm thời lượng dạy học để có nhiều thời gian cho hoạt động nghiên cứu
 - 3. ☐ Chính sách khen thưởng khi có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín
 - 4. ☐ Tăng tỷ trọng kết quả/chất lượng nghiên cứu trong việc xét duyệt thăng tiến trong công việc
 - 5. ☐ Tăng tỷ trọng kết quả/chất lượng nghiên cứu trong việc xét duyệt tăng lương trong công việc
 - 6. ☐ Khác, ghi rõ:

- C3. Trong vòng 3 năm qua, Chị/Anh đăng ký bằng phát minh, sáng chế, giải pháp kỹ thuật nào không?**
- 1. ☐ Có
 - 2. ☐ Không
- Nếu có, số lượng là giá trị trung bình là triệu đồng

- C4. Trong vòng 3 năm qua, Chị/Anh chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu của mình không?**
- 1. ☐ Có
 - 2. ☐ Không
- Nếu có, số lượng là giá trị trung bình là triệu đồng

C5. Nêu những khó khăn Chị/Anh gặp phải khi tiến hành đăng ký phát minh sáng chế, và chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu của mình (nếu có).
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

OK